

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 04/6/2024

V/v “Tranh chấp nuôi con và chia
tài sản chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Lam;

Các thẩm phán: Ông Hồ Ngọc Tiếp;

Bà Trần Thị Thúy Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Hoàng Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 31/5 và ngày 04/6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLPT-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/HNGĐ-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-PT ngày 16/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Địa chỉ nơi ĐKKHKT: Khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ nơi ở: Khối V, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Võ Thành B, sinh năm 1982.

Địa chỉ nơi ĐKKHKT: Khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ nơi ở: Khối M, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Võ Thành B (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/HNGĐ-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, vụ án có nội dung như sau:

Phạm vi yêu cầu Tòa án giải quyết, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Võ Thành B kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 13/3/2013. Đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, anh B nhiều lần đánh đập chị nên hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Võ Thành B.

Con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh B có hai con chung là Võ Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/9/2014 và Võ Nguyễn Anh Q, sinh ngày 21/4/2019. Nếu ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp nếu không được nuôi cả hai con thì chị xin trực tiếp nuôi cháu Võ Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/9/2014; anh B trực tiếp nuôi con Võ Nguyễn Anh Q sinh ngày 21/4/2019, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm bị đơn anh Võ Thành B thừa nhận về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như nguyên đơn trình bày. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ – chồng là do chị H không chung thủy, tháng 3/2023 anh B đã đồng ý cùng chị H thuê nhà ở riêng, không ở chung với mẹ anh B nữa, đến tháng 6/2023 chị H tự ý dọn đồ ở riêng một mình và hai người sống ly thân từ đó đến nay. Anh B nhận thấy đang còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn. Nếu trường hợp ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến lúc trưởng thành, không yêu cầu chị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nếu không được thì do Tòa án quyết định.

Ngoài ra anh B trình bày: Anh đã đóng Bảo hiểm xã hội số tiền 100.000.000đ cho người thụ hưởng là chị H, nay anh yêu cầu chị H phải hoàn trả cho anh số tiền 50.000.000đ trong số tiền nêu trên. Sau khi kết thúc phiên hòa giải đến ngày 05/12/2023 anh B rút yêu cầu này.

Về nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa giải quyết.

Với nội dung trên, Bản án số 01/2024/HNGĐ-ST ngày 12/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Võ Thành B.

2. Về con chung: Giao con cháu Võ Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/9/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Võ Nguyễn Anh Q, sinh ngày 21/4/2019 cho anh Võ Thành B trực tiếp nuôi dưỡng, chị H nuôi dưỡng cháu K, anh B nuôi dưỡng cháu Q cho đến khi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H và anh B.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thăm nom con chung, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, nghĩa vụ chịu án phí, quyền khởi kiện vụ án dân sự độc lập khác về chia tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/01/2024, bị đơn anh Võ Thành B làm đơn kháng cáo và nộp cùng ngày cho Tòa án cấp sơ thẩm, đến ngày 16/02/2024 anh B tiếp tục có đơn kháng cáo nhưng với nội dung tóm tắt đơn kháng cáo nộp ngày 19/01/2024 đúng với nội dung anh B trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cụ thể như sau:

- Kiểm tra tính hợp pháp của bảng lương từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2023 do chị H cung cấp.

- Số tiền 100.000.000đ anh B đã đóng bảo hiểm cho chị H anh đồng ý cho chị H 50.000.000đ số còn lại yêu cầu chị H mở 02 sổ tiết kiệm cho 02 con chung, mỗi sổ trị giá 25.000.000 đồng.

- Được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nếu chị H quay về đoàn tụ thì anh B đồng ý.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung, phạm vi khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến và đề nghị:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến khi xét xử tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký được phân công, các đương sự đã thực hiện đúng thẩm quyền, quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục kháng cáo: Bị đơn anh Võ Thành B kháng cáo trong thời hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí nên được Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

- Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Buộc bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Bị đơn có mặt tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/01/2014 và được nghe tuyên án cùng ngày. Trong hạn luật định bị đơn đã làm và nộp đơn kháng cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm, thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí phúc thẩm. Căn cứ Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tuy nhiên sau khi nhận đơn kháng cáo cấp sơ thẩm không xem xét để hướng dẫn người thực hiện quyền kháng cáo sửa đổi bổ sung nội dung đơn kháng cáo cho rõ ràng, kháng cáo nội những dung nào hay toàn bộ bản án dẫn đến việc xác định nội dung và phạm vi kháng cáo không cụ thể.

[2] Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án của cấp sơ thẩm.

Đây là vụ án Tranh chấp hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại huyện N, tỉnh Nghệ An, nguyên đơn là người có quyền khởi kiện. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 69, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An đã thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

Xác định tư cách của đương sự trong vụ án là chính xác, đúng với quy định khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên sau khi nhận đơn khởi kiện (BL 08) và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, cấp sơ thẩm không yêu cầu người khởi kiện sửa đổi đơn đúng thể thức theo mẫu số 23-DS ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Nội dung kháng cáo của bị đơn: Tại phiên tòa phúc thẩm sau khi hỏi quyền định đoạt các nội dung kháng cáo bị đơn vẫn giữ nguyên và có nội dung như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử đánh giá chứng cứ bằng lương của chị Hiền từ tháng 4 đến tháng 9/2023; yêu cầu nguyên đơn trích là 50.000.000đ trong số

bị đơn đã nộp bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, số tiền này chia cho các con chung gửi tiết kiệm mỗi người 25.000.000đ, giao hai con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu nguyên đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mong muốn chị H trở về đoàn tụ. Những nội dung kháng cáo của bị đơn trình bày tại phiên tòa phúc thẩm không vượt quá phạm vi ban đầu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét theo luật định.

[4] Xem xét nội dung kháng cáo của bị đơn.

[4.1] Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung, phạm vi khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc đoàn tụ nên căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn như Quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4.2] Giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ngày 01/02/2024 Công ty TNHH A cung cấp bảng lương của nguyên đơn từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2023 thể hiện thu nhập bình quân 03 tháng của chị Nguyễn Thị Hiền t lương là 10.000.000đ so với thu nhập bình quân từ lương do chị H cung cấp cho Tòa án giai đoạn giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm là tương đương. Vậy nên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã sử dụng bảng lương từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2023 do nguyên đơn cung cấp để đánh giá mức thu nhập của chị H là có căn cứ.

[4.3] Nội dung yêu cầu nguyên đơn trả lại số tiền 50.000.000đ và chia gửi tiết kiệm cho hai con chung mỗi người 25.000.000đ, thấy rằng: Ngày 25/10/2023 tại phiên họp Kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải bị đơn giữ nguyên yêu cầu này, sau đó tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn ngày 05/12/2023 anh B thay đổi ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung nêu trên. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là đúng phạm vi giải quyết của vụ án. Hơn nữa căn cứ vào Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nội dung kháng cáo này của bị đơn không thuộc phạm vi xem xét của cấp phúc thẩm vì cấp sơ thẩm chưa xét xử quyết định trong bản án sơ thẩm. Bị đơn có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết bằng một vụ án dân sự độc lập khác.

[4.4] Nội dung nguyên đơn không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con chung: Thấy rằng Chị H đang là công nhân có thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000đ. Việc trực tiếp nuôi con chung là quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và bị đơn. Ý chí nguyện vọng của cháu Võ Nguyễn Anh K tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai ngày 12/12/2023, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm cháu đều chọn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, vậy nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Q cho bị đơn trực tiếp

nuôi dưỡng là đúng ý chí nguyện vọng của các cháu và phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn.

Ngoài ra bị đơn cho rằng, nguyên đơn đang mắc bệnh hiểm nghèo nên không có điều kiện để trực tiếp nuôi con nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh.

Từ những phân tích và đánh giá tại mục [4] này Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Những thiếu sót của cấp sơ thẩm đã nhận định tại mục [1] và [2] trên đây, tuy không làm thay đổi nội dung vụ án nhưng cần rút kinh nghiệm.

[6] Án phí: Buộc anh Võ Thành B phải chịu nghĩa vụ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Võ Thành B, giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H được ly hôn bị đơn anh Võ Thành B.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Nguyễn Anh K, sinh ngày 10/9/2014 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Võ Nguyễn Anh Q, sinh ngày 21/4/2019 cho anh Võ Thành B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh B có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung được giao cho đến lúc trưởng thành và đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Nếu ai vi phạm thì người có quyền, yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự nếu có tranh chấp về quan hệ tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân bằng vụ án dân sự độc lập khác tại Tòa án có thẩm quyền.

4. Án phí: Buộc anh Võ Thành B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001590 ngày 06 tháng 3 năm 2024 có tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nam Đàn ;
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- UBND thị trấn Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Lam